

Bản án số: 22/2022/HNGĐ-ST

Ngày 25 tháng 8 năm 2022

V/v “Hôn nhân và gia đình”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẾ VÕ, TỈNH BẮC NINH**

***Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - chủ tọa phiên toà:* Bà Nguyễn Thị L

*Các hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Nguyễn Thế S

2. Ông Nguyễn Văn H

- *Thư ký phiên toà:* Bà Vũ Thị H - Thư ký TAND huyện QV

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện QV, tỉnh BN tham gia phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Quỳnh H – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện QV, Tỉnh BN mở phiên toà công khai xét xử sơ thẩm vụ án “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” thụ lý số 261/2022/TLST- HNGĐ ngày 26 tháng 7 năm 2022 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2022/QĐST- HNGĐ ngày 10 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

- ***N đơn:*** Chị Trần Thị L1, sinh năm 1989 (*Vắng mặt*)

HKTT: Thôn PL, xã CP, huyện QV, tỉnh BN

Hiện trú tại: Tổ dân phố ĐK, thị trấn LD, huyện LD, tỉnh LD.

- ***Bị đơn:*** Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1987 (*Vắng mặt*)

HKTT: Thôn PL, xã CP, huyện QV, tỉnh BN

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án, N đơn chị Trần Thị L1 trình bày:*

Chị và anh Nguyễn Văn T được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương vào tháng 3/2013. Trước khi cưới, anh chị được tự nguyện tìm hiểu và được UBND xã CP cấp giấy chứng nhận kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau ngày cưới anh chị về chung sống cùng nhau hòa thuận, hạnh phúc cho đến tháng 6/2019 thì phát sinh mâu thuẫn. N nhân do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, cách sống dẫn đến đời sống hôn nhân không có hạnh phúc, vợ chồng không có tiếng nói chung, không có sự chia sẻ. Từ tháng 3/2020, vợ chồng chị sống ly thân cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân, giữa chị và anh T không có biện pháp để đoàn tụ. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, thời gian sống ly thân đã lâu và không còn khả năng đoàn tụ nên chị

đề nghị Tòa án nhân dân huyện QV giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

- *Về con chung*: Trong thời gian hôn nhân, anh chị có sinh được 02 con chung là Nguyễn Khôi N, sinh ngày 17/01/2014 và Nguyễn Khôi V, sinh ngày 15/9/2015. Từ khi vợ chồng sống ly thân cho đến nay, chị là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung. Khi ly hôn, chị có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng con chung. Cấp dưỡng nuôi con, chị không yêu cầu anh T phải đóng góp và anh T có quyền đi lại thăm nom con chung.

- *Về tài sản chung, công nợ, công sức*: Tự thỏa thuận phân chia và không đề nghị Tòa án giải quyết.

Ngoài yêu cầu xin được ly hôn và nuôi dưỡng con chung, chị L1 không có yêu cầu nào khác.

*Tại bản tự khai và biên bản ghi lời khai tại Tòa án, bị đơn là anh Nguyễn Văn T trình bày:*

Anh và chị Trần Thị L1 được hai gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương vào tháng 3/2013. Trước khi cưới anh chị được tự nguyện tìm hiểu và được UBND xã CP cấp giấy chứng nhận kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau ngày cưới chúng tôi về chung sống cùng nhau hòa thuận, hạnh phúc đến tháng 6/2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng về quan điểm sống, cách sống và cách nuôi dạy con. Từ thời điểm hai vợ chồng chuyển vào tỉnh Lâm Đồng mua vườn và bán hàng. Do cuộc sống có nhiều thay đổi, vợ chồng hay lời qua tiếng lại và đánh cãi chửi nhau. Từ tháng 3/2020, anh đã về quê và làm công nhân tại khu công nghiệp QV. Vợ chồng tôi sống ly thân từ đó và cả hai không có biện pháp về đoàn tụ. Nay chị L1 làm đơn xin ly hôn, bản thân anh nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị Trần Thị L1.

- *Về con chung*: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Khôi N, sinh ngày 17/01/2014 và Nguyễn Khôi V, sinh ngày 15/9/2015. Hiện tại hai con đang ở với chị L1. Khi ly hôn, để ổn định cuộc sống của các cháu nên anh đồng ý để chị L1 được nuôi dưỡng hai con chung. Cấp dưỡng nuôi con không đặt ra giải quyết và anh có quyền đi lại thăm nom con chung theo quy định của pháp luật.

- *Về tài sản chung, công nợ, công sức*: Vợ chồng tự thỏa thuận phân chia, không đề nghị Tòa án giải quyết.

- *Về án phí*: Giải quyết theo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo mở phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Tuy nhiên, cả chị L1 và anh T đều đề nghị từ chối hòa giải nên Tòa án chỉ tiến hành kiểm tra việc giáp nộp, tiếp cận công khai chứng cứ với anh Nguyễn Văn T đối với tài liệu N đơn cung cấp cho Tòa án theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay chị Trần Thị L1 và anh Nguyễn Văn T đều vắng mặt nhưng đều có đơn xin xét xử vắng mặt.

**Đại diện VKSND huyện QV** tham gia phiên tòa nhận xét:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

N đơn từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay đã thực hiện đúng quy định tại Điều 70, Điều 71 và Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết;

*Về nội dung:* Đề nghị áp dụng Điều 55, Điều 81,82,83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147; Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Đề nghị xử:

Công nhận việc thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị L1 và anh Nguyễn Văn T.

*Về con chung:* Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, giao con chung là Nguyễn Khôi N, sinh ngày 17/01/2014 và Nguyễn Khôi V, sinh ngày 15/9/2015 cho chị Trần Thị L1 tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Cấp dưỡng nuôi con không đặt ra giải quyết. Anh T có quyền đi lại thăm nom con chung theo quy định của pháp luật.

*Tài sản chung, công nợ, công sức:* Không đặt ra giải quyết.

*Về án phí:* Đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

*Về tố tụng:* Tại phiên tòa, Chị Trần Thị L1 và anh Nguyễn Văn T vắng mặt nhưng đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 2 Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

*Về nội dung:*

Qua xem xét các ý kiến của đương sự và chứng cứ do chị L1 cung cấp, thấy quan hệ hôn nhân giữa chị Trần Thị L1 và anh Nguyễn Văn T là hợp pháp. Trong thời gian vợ chồng chung sống có phát sinh nhiều mâu thuẫn. N nhân do bất đồng quan điểm sống dẫn đến cuộc sống của hai vợ chồng không hạnh phúc. Mặc dù cả hai bên đều không cung cấp được bằng chứng, chứng minh mâu thuẫn vợ chồng, nhưng tại bản các khai các bên đã thừa nhận trong thời kỳ hôn nhân vợ chồng đã xảy ra nhiều lần mâu thuẫn và hiện đã sống ly thân được một thời gian dài. Quá trình giải quyết vụ án, chị L1 giữ N yêu cầu xin được ly hôn và anh T đồng ý nên cần công nhận sự thỏa thuận này của hai bên đương sự.

- Về con chung: Anh T và chị L1 cùng xác nhận trong thời gian chung sống vợ chồng có sinh được 02 con chung là Nguyễn Khôi N, sinh ngày 17/01/2014 và Nguyễn Khôi V, sinh ngày 15/9/2015. Hiện các con chung đang ở với chị L1.

Khi ly hôn, chị L1 và anh T thỏa thuận giao cả hai con chung cho chị L1 tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Cấp dưỡng nuôi con không đặt ra giải quyết. Xét thỏa thuận của anh chị về việc nuôi dưỡng con chung là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật và thực tế nuôi dưỡng nên cần chấp nhận.

- Về tài sản chung, công nợ, công sức: Các bên đều xác nhận đề tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị L1 phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên.*

### **QUYẾT ĐỊNH**

- Áp dụng: Đề nghị áp dụng Điều 55, Điều 81,82,83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147; Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

*Về quan hệ vợ chồng:* Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị L1 và anh Nguyễn Văn T.

*Con chung:* Giao con chung là Nguyễn Khôi N, sinh ngày 17/01/2014 và Nguyễn Khôi V, sinh ngày 15/9/2015 cho chị Trần Thị L1 tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Cấp dưỡng nuôi con không đặt ra giải quyết. Anh T có quyền đi lại thăm con con chung theo quy định của pháp luật và không ai được cản trở anh T thực hiện quyền này.

*Về tài sản chung, công nợ, công sức:* Không đặt ra giải quyết.

*Án phí:* Chị Trần Thị L1 phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị L1 đã nộp 300.000đ tạm ứng án phí tại biên lai số AA/2020/0005217 ngày 26/7/2022 của Chi cục THA dân sự huyện QV, tỉnh BN.

Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc niêm yết công khai.

#### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh BN;
- VKSND huyện QV;
- Chi cục THA huyện QV;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị L1**

